

OTHERS		
1.	Ông mặt trời	
2.	Cát	
3.	biển	
4.	Gấu bắc cực	
5.	Vỏ sò	
6.	Vật, đồ vật	
7.	Cố gắng	
8.	Vỗ tay	
9.	Sạch sẽ, dọn dẹp	
10.	đếm	
11.	Thích	
12.	Nhìn vào	
13.	Yêu	
14.	Nhặt lên	
15.	Chỉ tay	
16.	Thể hiện ra, chiếu lên	
17.	Bắt đầu	
18.	Dừng tại	
19.	Nói chuyện	
20.	Về ...	
21.	với	
22.	Và	
23.	Nhưng	
24.	Có thể	
25.	Không thể	
26.	Như thế nào	
27.	Có bao nhiêu	
28.	Bao nhiêu tuổi	
29.	Cái gì	
30.	Ở đâu	

31.	Cái nào	
32.	Ai	
33.	Của ai	
34.	Khi nào?	
35.	Vẫy tay	
ADJECTIVES		
36.	Tức giận	
37.	Xinh đẹp	
38.	To lớn	
39.	Sạch sẽ	
40.	Mát mẻ	
41.	Bẩn thỉu	
42.	Buồn cười, hài hước	
43.	tốt	
44.	Của cô ấy	
45.	Của anh ấy	
46.	Của nó	
47.	Dài	
48.	Của tớ	
49.	mới	
50.	đẹp	
51.	Của chúng tôi	
52.	buồn	
53.	Sợ hãi	
54.	Ngắn, thấp	
55.	Ngốc ngếch, lỗ bịch	
56.	Nhỏ bé	
57.	Của họ	
58.	Xấu xí	
59.	Của bạn	